ỦY BAN NHÂN DAN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
NGÀNH NGÔN NGỮ KHMER

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
Mã số học phần: 410292

I. Thông tin về học phần

Tên học phần: ANH VĂN KHÔNG CHUYÊN 2

Tên Tiếng Anh: Non-major English 2

Đơn vị phụ trách:
- *Bộ môn*: Tiếng Anh
- *Khoa*: NGOẠI NGỮ

Số tín chỉ: 4 tín chỉ (2 tín chỉ lý thuyết, 2 tín chỉ thực hành)

Phân bố thời gian: 12 tuần (lý thuyết và thực hành xen kẽ**)**

Học kỳ: 2 (học kỳ II năm thứ 1)

Các giảng viên phụ trách học phần:
- *GV phụ trách chính*: Trịnh Thị Mộng Ngọc (SĐT: 0908094626; Email:trinhthimongngoc92@gmail.com)
- *Danh sách giảng viên cùng GD*: Tô Thị Ngọc Huyền (SĐT: 0356015236; Email: ngoz.huyen@gmail.com)

- **Điều kiện tham gia học tập học phần:**
  - *Môn học tiên quyết: Anh văn không chuyên 1*
- *Môn học trước hoặc song song: Anh văn không chuyên 1*
- **Học phần thuộc khối kiến thức**:

Đại cương ☑		Chuyên nghiệp □					
Bắt buộc ☑	Tự chọn □	Cơ sở ngành □		Chuyên ngành □		Chuyên sâu □	
		Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □	Bắt buộc □	Tự chọn □

Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☑ Tiếng Việt □

II. Lần biên soạn/hiệu chỉnh

- Lần thứ: 3

- Ngày hiệu chỉnh: 23/5/2020

- Lý do và nội dung hiệu chỉnh:

(a) Thiết kế mới theo chương trình cải tiến AUN-QA (version 3.0)

(b) Cập nhật đề cương môn học hàng năm theo Qui định của Trường Đại học Trà Vinh: cập nhật nội dung, PPGD tích cực và Rubric đánh giá.

III. Mô tả học phần

Học phần này, sinh viên tiếp tục làm quen với dạng đề thi A2 và tiếp tục phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ ở học phần Anh Văn Không Chuyên 1 ở cấp độ A2 và tiền B1 theo Khung tham chiếu Châu âu (CEFR). Các kỹ năng này được phát triển qua những mẫu hội thoại giao tiếp và những tin nhắn, email ngắn hàng ngày qua các chủ điểm như sports, friendly people, jobs, outdoor activities, travel, past activities, facts and figures, celebration, studying,…

IV. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

Sau khi học xong môn học này, người học sẽ có khả năng:

4.1. Về kiến thức:

- Xác định những kiến thức căn bản và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh;
- Sử dụng được các từ vựng học được qua các chủ đề để giao tiếp bằng tiếng Anh;
- Biết được một số văn hóa của các nước nói tiếng Anh thông qua các chủ đề (những cú sốc về văn hóa khi sinh sống hay học tập ở một nước khác, giờ giấc các bữa ăn trong ngày, thu nhập cá nhân);
- Biết được các điểm ngữ pháp từ căn bản như: thì, danh động từ, giới từ, v.v đến các cấu trúc cao hơn như so sánh, áp dụng cấu trúc so sánh trong giao tiếp, đưa ra ý kiến, phân biệt được cách dùng của các động từ khiếm khuyết, v.v.
- Học các kỹ năng làm bài thi trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR).

4.2. Về kỹ năng chuyên môn:

- Xác định được nội dung chính của những đoạn hội thoại và mẩu tin ngắn được trình bày xoay quanh các chủ giao tiếp hàng ngày;
- Hỏi đáp và diễn đạt ý kiến, câu trả lời với các cấu trúc: Yes/ No; there is/ there are và các mẫu câu thông dụng, một số thì thường dùng và vốn từ vựng về các chủ đề quen thuộc trong giao tiếp hàng ngày.
- Xác định ý chính hay ý chi tiết của những mẩu tin, ghi chú ngắn;
- Viết được ghi chú, email có độ dài từ 35 - 45 từ để trao đổi thông tin, để yêu cầu hay cung cấp thông tin cho người khác.

4.3. Về thái độ và kỹ năng mềm:

- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các chủ đề nói trong từng bài học;
- Rèn luyện được một số kỹ năng mềm khác như: kỹ năng trình bày trước công chúng thông qua các hoạt động nói trên lớp; kỹ năng ghi chú ý chính để thuyết trình, đàm thoại; kỹ năng đưa ra ý kiến và phản biện vấn đề; kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng lắng nghe người khác.

**** Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: *(Bảng dưới đây là trích ngang của Matrix: Sự đóng góp của mỗi học phần cho ELOs của CTĐT).*

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT											
410 292	Anh văn không chuyên 2	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12
		L			M		M	M	M				L

Bỏ trống: Không có đóng góp
L: Mức độ học tập thấp trong phân loại Bloom's Taxonomy (Kiến thức và Hiểu biết)
M: Mức độ học tập trung bình trong phân loại Bloom's Taxonomy (Ứng dụng và Phân tích)
H: Mức độ học tập cao trong phân loại Bloom's Taxonomy (Đánh giá và Sáng tạo)

Ký hiệu	**KQHTMĐ của học phần** **Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được**	**CĐR của CTĐT**
Kiến thức		
CELO 1	Áp dụng được từ vựng, điểm ngữ pháp căn bản, văn hóa của một số nước nói tiếng Anh để có thể giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các chủ đề gần gủi, quen thuộc (nói, viết, đọc hiểu, nghe hiểu).	ELO 1,4
Kĩ năng		
CELO 2	Vận dụng được các chiến thuật để xác nhận nội dung chính của những đoạn hội thoại và mẩu tin ngắn được trình bày xoay quanh các chủ đề giao tiếp hàng ngày.	ELO 6, 7, 8
CELO 3	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc cặp, nhóm, kỹ năng lắng nghe người khác.	ELO 6, 7, 8
CELO 4	Giao tiếp tiếng Anh cơ bản về chủ đề gần gủi, quen thuộc (nói, viết, đọc hiểu và nghe hiểu)	ELO 6, 7, 8
Thái độ		
CELO 5	Ý thức tự học, hỏi nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh để tiếp tục ở bậc học cao hơn.	ELO 12

V. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Diễn giảng kết hợp trình chiếu powerpoint
- Thảo luận theo cá nhân/cặp/nhóm
- Các hoạt động/trò chơi liên quan đến nội dung bài học
- Hướng dẫn sinh viên thuyết trình

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, xem lại những phần kiến thức có liên quan, tự thực hành, giải bài tập thêm sau giờ học
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm, trình bày trước lớp

- Thuyết trình: sinh viên thực hiện thuyết trình theo nhóm, nội dung thuyết trình theo chủ đề bài học

VI. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Sinh viên phải tham dự ít nhất 80% thời lượng lên lớp.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Sinh viên phải đọc trước tài liệu, tham gia các hoạt động trên lớp và làm các bài tập tại lớp theo yêu cầu của giáo viên.
- Thái độ: tích cực tham gia đặt câu hỏi, trao đổi, phát biểu ý kiến bằng tiếng Anh.

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Trọng số

Đánh giá quá trình: 50% Thi cuối kỳ: 50%

VIII. Nội dung môn học

1. Nội dung cơ bản, cốt lõi tối thiểu (chiếm khoảng 80% thời lượng giảng dạy):

Môn học nhằm giúp cho người học có khả năng sử dụng được tiếng Anh ở mức độ trung bình để ứng dụng vào các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết trong các lĩnh vực giáo dục, đời sống, xã hội và các lĩnh vực khác.

2. Nội dung cập nhật, giới thiệu thêm (chiếm khoảng 20% thời lượng giảng dạy):

Kỹ năng trình bày trước đám đông thể hiện ý kiến/quan điểm cá nhân, kỹ năng làm việc theo nhóm.

Phương pháp đánh giá

Chương	CELOs	Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá
Unit 1: A question of sport	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm Viết	Câu hỏi thảo luận: 1. Kể tên các môn thể thao bạn biết? 2. Môn thể thao bạn yêu thích là gì? Viết một bài giới thiệu ngắn nói về bản thân, sở thích sử dụng các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học.
Unit2: I'm a friendly person	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm Nghe	Câu hỏi thảo luận: Sử dụng tính từ phù hợp miêu tả những người trong bức tranh giáo viên cung cấp Nghe miêu tả và chọn người đúng với miêu tả của bức tranh
Unit 3: What's your job?	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và thảo luận nhóm Mô tả tranh	Câu hỏi thảo luận: 1. Kể tên các nghề nghiệp mà bạn biết? 2. Mô tả công việc của một số nghề phổ biến? Mô tả tranh về nghề nghiệp
Unit 4: Let's go out	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Viết	Câu hỏi thảo luận: 1. Kể tên các hình thức giải trí mà bạn biết? 2. Mô tả đặc điểm của một số loại hình giải trí phổ

			biến? Viết một lá thư hay email để đưa ra một cuộc hẹn với ai đó.
Unit 5: Wheels and wings	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Đọc Thuyết trình	Câu hỏi thảo luận: Kể tên một số phát minh vĩ đại mà bạn biết? Các phát minh có đóng góp như thế nào với cuộc sống của bạn? Thuyết trình về một phát minh vĩ đại bạn yêu thích Xác định nhanh nội dụng của các mẫu quảng cáo trong thực tế, từ đó đưa ra lời khuyên thích hợp nhất cho từng đối tượng.
Unit 6: What did you do at school today?	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Viết	Câu hỏi thảo luận: Kể về ngày đầu tiên học cấp 1/2/3 hoặc đại học, sử dụng từ vựng mô tả cảm giác Viết một lá thư / email phản hồi, trong đó đưa ra ý kiến cá nhân về thông tin được hỏi.
Unit 7: Around town	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Đọc	Câu hỏi thảo luận: Kể tên một số địa điểm nổi bật trong thành phố? Các cách chỉ đường phổ biến mà bạn biết? Thực hành chỉ đường Đọc lấy ý chính và chi tiết
Unit 8: Let's celebrate	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Viết Nói	Nói về lễ hội ở đất nước mình và một số lễ hội nổi tiếng trên thế giới Viết thiệp mời, xin lỗi, cám ơn (35 – 45 từ) và cách sử dụng các động từ đi kèm (*come here, go there, apologise, etc).*
Unit 9: How do you feel?	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Nói	Gọi tên được một số căn bệnh, các bộ phận trên cơ thể người -Hỏi đáp các câu hỏi liên quan đến sức khỏe và đưa ra lời khuyên giữ sức khỏe Nhìn một bức tranh và đưa ra ý kiến về các chứng bệnh của người đó, sau đó đưa ra lời khuyện để chữa trị.
Unit10: I look forward to hearing from you	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Viết Nghe	Câu hỏi thảo luận: các hình thức giữ liên lạc phổ biến là gì? Ưu/khuyết điểm của từng hình thức? Nghe 7 đoạn hội thoại ngắn và chọn tranh phù hợp với câu hỏi trong từng đoạn. Viết lá thứ (100 từ) đáp lại

			thông tin của người bạn (chủ đề thể thao và cách giữ dáng).
Unit 11: Facts and Figures	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Thuyết trình	Giới thiệu được một số quốc gia trên thế giới dựa trên từ vựng đã học, thể bị đông và một số bài nghe ngắn về các quốc gia đó; Thuyết trình về một quốc gia bạn yêu thích
Unit 12: A good read	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Viết	Giới thiệu một quyển sách bản thân yêu thích; Viết một câu chuyện ngắn (100 từ) về chủ đề bất kỳ. Hoàn thành các đoạn của một mẫu chuyện. Sau đó sắp xếp thành một câu chuyện với phần mở đầu và kết thúc có nghĩa.
Unit 13: A place of my own	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5	Câu hỏi ngắn Bài tập cá nhân và bài tập nhóm Đọc	Mô tả một ngôi nhà và các vật dụng trong gia đình; -Hỏi – đáp giá của một vật Đọc mô tả ngắn về 5 người khác nhau và chọn trường thích hợp cho mỗi người dựa trên nhu cầu của đã được mô tả.

Bảng 1. Matrix đánh giá KQHTMĐ của học phần

Các KQHTMĐ của HP	Tham gia lớp học và xung phong phát biểu (20%)	Kiểm tra tích hợp trên giấy (40 %)	Vấn đáp (40%)	Thi cuối kỳ (100 %)
CELO1	X	X	X	X
CELO2	X	X	X	X
CELO3	X	X	X	X
CELO4	X	X	X	X
CELO5	X	X	X	X

IX. Nội dung chi tiết của học phần

A. Phần lý thuyết (6,5 tuần)

Tuần	Nội dung chi tiết	KQHTMĐ của học phần
1	**Unit 1: A question of sport** **Người học có khả năng:**	CELO1 CELO2 CELO3

	-Gọi tên được các môn thể thao, từ đó nói về môn thể thao bản thân yêu thích; -Phân biệt và sử dụng được các động từ đi với từng loại hình thể thao; -Sử dụng được một số từ vựng, thì hiện tại đơn để nói về các thể thao yêu thích; -Áp dụng các trạng từ chỉ mức độ thường xuyên để nói về sở thích chơi thể thao của bản thân; -Viết một bài giới thiệu ngắn nói về bản thân, sở thích sử dụng các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học.	CELO4 CELO5
1	**Unit 2:I'm a friendly person** ***Người học có khả năng:** - Sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp để mô tả hình dáng và tính cách của một người nào đó; - Xác định được chủ đề của một đoạn văn ngắn; - Đưa ra lời mời và đáp lại lời mời; - Sử dụng đúng dấu ngắt câu đúng vị trí trong văn viết.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
2	**Unit 3: What's your job?** ***Người học có khả năng:** - Sử dụng thành thạo thì và từ vựng để nói về nghề nghiệp và mô tả hành động đang diễn ra; - Hỏi – đáp các câu hỏi giao tiếp hằng ngày qua cấu trúc trả lời ngắn (Short answer), từ đó phát triển thêm ý tưởng cho cuộc hội thoại; - Mô tả tranh thông qua việc sử dụng các cấu trúc, từ vựng đã học để trả lời các câu hỏi gợi mở.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
2	**Unit 4: Let's go out** ***Người học có khả năng:** - Nói được các hình thức giải trí thông qua tranh ảnh; - Xác định được chủ đề chung của từng mẫu quảng cáo; - Nghe đoạn hội thoại, xác định nội dung chính và thực hành sử dụng giới từ chỉ thời gian trong giao tiếp thông qua bài hội thoại đó; - Viết một lá thư hay email để đưa ra một cuộc hẹn với ai đó.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
3	**Unit 5: Wheels and wings** ***Người học có khả năng:** Phân biệt được danh từ đếm được và không đếm được, danh từ ghép để dùng trong các tình huống giao tiếp hằng ngày; -Trả lời đúng cho câu hỏi với động từ *need* thông qua các bài đàm thoại ngắn; -Xác định nhanh nội dụng của các mẫu quảng cáo trong thực tế, từ đó đưa ra lời khuyên thích hợp nhất cho từng đối tượng.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
3	**Unit 6: What did you do at school today?** ***Người học có khả năng:** -Sử dụng thì quá khứ đơn để nói về các sự việc, hành động đã diễn ra;	CELO1 CELO2 CELO3

	-Sử dụng từ vựng mô tả cảm giác; phân biệt được các hình thức tính từ mô tả người và vật; -Đưa ra ý kiến về một chủ đề nào đó; -Viết một lá thư / email phản hồi, trong đó đưa ra ý kiến cá nhân về thông tin được hỏi.	CELO4 CELO5
4	**Unit 7: Around town** ***Người học có khả năng:** -Sử dụng từ vựng và giới từ chỉ vị trí để chỉ ra một địa điểm cụ thể; -So sánh hai vật, hai người hay hai sự việc dựa trên cấu trúc so sánh hơn ; -Chỉ ra ý chính và điểm chi tiết của một bài đọc về một chủ đề cụ thể.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
4	**Unit 8: Let's celebrate** ***Người học có khả năng:** -Xác định chi tiết ý của một bài đọc dựa trên các câu hỏi; -Sử dụng thành thạo mốt số *collocation* và thì hiện tại hoàn thành vào các tình huống giao tiếp hằng ngày; -Nói về một số lễ hội trên thế giới; -Viết một lá thư xin lỗi một ai đó và đưa ra lý do; một email đưa thông tin mới đến ai đó và đưa ra lời mời.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
5	**Unit 9: How do you feel?** ***Người học có khả năng:** -Gọi tên được một số căn bệnh, các bộ phận trên cơ thể người; -Hỏi đáp các câu hỏi liên quan đến sức khỏe và đưa ra lời khuyên giữ sức khỏe; -Hiểu được ý ẩn sau một đoạn văn ngắn; -Đưa ra ý kiến cá nhân dựa trên bức tranh, đưa ra ý kiến đồng ý và phản biện, cũng như đưa ra được một số đề nghị.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
5	**Unit10:Ilook forward to hearing from you** ***Người học có khả năng:** -Sử dụng đúng hình thức của động từ vào các thì, từ đó rèn luyện kỹ năng nói và viết một cách chính xác; -Biết được các cách bắt bắt đầu và kết thúc một lá thư / email tùy vào đối tượng người nhận.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
5	**Unit 11: Facts and Figures** ***Người học có khả năng:** -Giới thiệu được một số quốc gia trên thế giới dựa trên từ vựng đã học, thể bị đông và một số bài nghe ngắn về các quốc gia đó; -Hoàn thành một bài văn dựa trên những gợi ý có sẵn; -Sử dụng số, đơn vị đo lường và cấu trúc so sánh vào các tình hỏi đáp ngoài đời thực.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
6	**Unit 12: A good read**	CELO1

	***Người học có khả năng:** -Giới thiệu một quyển sách bản thân yêu thích; -Sử dụng thì quá khứ tiếp diễn và liên từ (*while, when*) để diễn tả hành động; -Viết một câu chuyện ngắn (100 từ) về chủ đề bất kỳ.	CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
6	**Unit 13: A place of my own** ***Người học có khả năng:** -Mô tả một ngôi nhà và các vật dụng trong gia đình; -Hỏi – đáp giá của một vật; -Phân biệt đúng chức năng và cách dùng của động từ khiếm khuyết (*Modal verbs: probability* và *possibility*); -Đưa ra lời khuyên dựa trên những tình huống cụ thể và những gợi ý có sẵn.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

B. Phần thực hành (6,5 tuần)

Tuần	**Nội dung chi tiết**	**KQHTMĐ của học phần**
1	**Unit 1** ***Kỹ năng làm bài (Exam folder 1):** -Reading part 1: Đọc mẫu tin ngắn, xác định loại tin và ý chính của mẫu tin. - Speaking part 1: Hỏi đáp những câu hỏi liên quan thông tin cá nhân.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
1	**Unit 2** ***Kỹ năng làm bài (Exam folder 2):** - Listening part 3: Nghe và chọn bức tranh đúng và điền vào chỗ trống trong bài nghe (chủ đề: hoạt động hằng ngày). - Writing part 1, 2 and 3: Xác định được hình thức số ít, số nhiều và dấu câu trong văn viết.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
2	***Kỹ năng làm bài (Exam folder 3):** - Speaking part 3: Nói về một bức tranh dựa trên những câu hỏi gợi mở. - Reading part 4: Nhìn tranh và chon đáp án đúng A, B, C, D (dựa trên từ vựng và cấu trúc thì).	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
2	**Unit 4** *** Kỹ năng làm bài (Exam folder 4):** - Listening part 1: Nghe và chọn tranh phù hợp với đoạn hội thoại. - Writing part 2: Viết một lá thư trả lời câu hỏi của một người bạn (35 – 45 từ).	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

3	**Unit 5** ***Kỹ năng làm bài (Exam folder 5):** Reading part 2: + Đọc nhanh và chọn tranh phù hợp với sở thích của người được mô tả. + Đọc đoạn văn mô tả về một số nơi cho kỳ nghỉ lễ, sau đó quyết định nơi phù hợp với nhu cầu của từng người.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
3	***Kỹ năng làm bài (Exam folder 6):** - Listening part 2: Nghe 2 bài nghe về một tài xế lái taxi và một người phụ nữ làm việc trong khách sạn. Sau đó chọn đáp án đúng A, B, C hoặc D cho từng câu hỏi. - Writing part 3: Viết một lá thư (100 từ) đưa thông tin cho một người bạn.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
4	***Kỹ năng làm bài (Exam folder 7):** - Reading part 3: + Đọc một bài đọc về Lincoln, nối ý chính với tiêu đề của từng đoạn. + Đọc lại đoạn văn và xác định câu Đúng (A) hay Sai (B).	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
4	***Kỹ năng làm bài (Exam folder 8):** - Speaking part 3: Nói về một lễ hội dựa trên những bức tranh. - Speaking part 4: Nói về lễ hội ở đất nước mình. - Writing part 2: Viết thiệp mời, xin lỗi, cám ơn (35 – 45 từ) và cách sử dụng các động từ đi kèm (*come here, go there, apologise, etc).*	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
5	***Kỹ năng làm bài (Exam folder 10):** - Listening part 1: Nghe 7 đoạn hội thoại ngắn và chọn tranh phù hợp với câu hỏi trong từng đoạn. - Writing part 3: Viết lá thứ (100 từ) đáp lại thông tin của người bạn (chủ đề thể thao và cách giữ dáng).	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
5	***Kỹ năng làm bài (Exam folder 9):** -Reading part 4: Đọc 4 đoạn văn và chỉ ra ý của tác giả bằng cách chọn A, B, C hoặc D. Speaking part 2: Nhìn một bức tranh và đưa ra ý kiến về các chứng bệnh của người đó, sau đó đưa ra lời khuyện để chữa trị.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
5	***Kỹ năng làm bài (Exam folder 11):** Reading part 5: + Chọn từ đúng với ngữ cảnh đã cho. + Nhìn tranh và trả lời câu hỏi. + Hoàn thành một đoạn văn dựa trên những đáp án gợi ý A, B, C, D.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5
6	***Kỹ năng làm bài (Exam folder 12):** -Speaking part 1: Hội thoại những thông tin cá nhân và đánh vần	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4

	lưu loát khi được yêu cầu; Sử dung những mẫu câu yêu cầu nói nhanh, chậm, lặp lại. -Writing part 3: Hoàn thành các đoạn của một mẫu chuyện. Sau đó sắp xếp thành một câu chuyện với phần mở đầu và kết thúc có nghĩa.	CELO5
6	***Kỹ năng làm bài (Exam folder 13):** -Reading part 2: + Đọc mô tả ngắn về 5 người khác nhau và chọn trường thích hợp cho mỗi người dựa trên nhu cầu của đã được mô tả. + Phân biệt *do* or *take a course of study*.	CELO1 CELO2 CELO3 CELO4 CELO5

X. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

- Sách, giáo trình chính

Louise, H., & Barbara,T. (2010). Cambridge English: Objective PET. Cambridge: Cambridge University Press

- Tài liệu tham khảo Louise, H., & Barbara,T. (2009). Objective PET for schools. Cambridge: Cambridge University Press

XI. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: phòng học, phòng máy tính
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy tính, máy chiếu, loa

Trà Vinh, ngày tháng năm 2020

P. TRƯỞNG KHOA **P.TRƯỞNG BỘ MÔN** **GV BIÊN SOẠN**

Tô Thị Ngọc Huyền

PHỤ LỤC

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần và tham dự các hoạt động trong lớp (10%)

Tiêu chí	**Trọng số 10 (%)**	**Tốt 20 %**	**Khá 15%**	**Trung bình 10%**	**Kém 0%**
Thái độ tham dự	5	Tích cực tham gia các hoạt động	Có tham gia các hoạt động	Ít tham gia các hoạt động	Không tham gia các hoạt động
Thời gian tham dự	5	Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp	Vắng 1-3 buổi	Vắng 4-5 buổi	Vắng từ 6 buổi trở lên

Rubric 2: Đánh giá kiểm tra giữa kỳ-Midterm (40%)

Tiêu chí	**Điểm (thang điểm 10)**	**Tốt 100%**	**Khá 75%**	**Trung bình 50%**	**Kém 0%**
Nghe	3	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (75% trên tổng điểm toàn phần)	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (50% trên tổng điểm toàn phần)	Trả lời sai tất cả các câu hỏi hoặc không tham gia hoạt động kiểm tra
Đọc	4	Trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (75% trên tổng điểm toàn phần)	Trả lời đúng đa số câu hỏi dựa trên số câu trả lời đúng (50% trên tổng điểm toàn phần)	
Viết	3	*Bài viết có cấu trúc logic-mạch lạc, nội dung chính xác thuyết phục; Sử dụng từ ngữ*	*Bài viết có cấu trúc logic-mạch lạc, nội dung chính xác; Sử dụng từ ngữ cẩn thận, chính xác.*	Bài viết sử dụng từ ngữ hoặc cấu trúc ở mức hạn chế, nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu của đề viết.	Bài viết sử dụng từ ngữ hoặc cấu trúc không rõ ràng, không đáp ứng yêu

Tiêu chí		Mức độ			
	Tỉ lệ phần trăm	**Tốt**	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**
Fluency and Coherence (trôi chảy & mạch lạc)	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
Lexical Resources (khả năng sử dụng ngôn từ)	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
Grammar Range and Accuracy (ngữ pháp)	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
Pronunciation (phát âm)	10%	10->8%	8->6%	6->4%	4-0%
	40%				
		sinh động, lôi cuốn.			cầu của đề viết; Hoặc không tham gia hoạt động kiểm tra

Rubric 3: Kiểm tra Vấn đáp (40%)